

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên Gói thầu: Gói thầu 2: Mua sắm vật tư, hoá chất phục vụ đề tài KC.07.
- Tổng mức đầu tư: 2.350.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng./.*).
- Chủ đầu tư: Viện Công nghệ tiên tiến.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
- Địa điểm, quy mô dự án:
 - + Địa điểm: Viện Công nghệ tiên tiến. Địa chỉ: Số 1B, đường TL29, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - + Quy mô dự án: “Nghiên cứu công nghệ chế biến bã bột cà phê để tạo ra vật liệu composite lai và composite sinh học”. Mã số: KC.07.02/21-30.
- Các thông tin khác (nếu có). Không có.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về chất lượng: Các sản phẩm nhà thầu cung cấp phải là mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu E-HSMT.
- Hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng: ký mã hiệu, chủng loại, model, hãng sản xuất, nước sản xuất.
- Yêu cầu về thời gian bảo hành đối với vật tư (1, 3, 4, 5, 11, 14, 15, 22, 24, 27, 29, 30, 31) tại Mục b. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể của chương này: Nhà thầu phải ghi rõ thời gian bảo hành hàng hóa. Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng và hàng hóa phải được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày được nghiệm thu đưa vào sử dụng (nhà thầu phải có cam kết).
- Đối với vật tư:
 - + Nhà thầu phải cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan (hình ảnh) (có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt), ghi rõ các tính năng, thông số kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng về các thông số kỹ thuật của các hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu cam kết cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng (có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt).

- Đối với hoá chất:

+ Nhà thầu cung cấp COA để chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hoá tại chương này.

+ Nhà thầu cam kết tại thời điểm cung cấp, hàng hóa phải còn hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng kể từ ngày giao hàng hoặc theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất (nếu thời hạn sử dụng ít hơn hoặc bằng 6 tháng).

- Nhà thầu phải vận chuyển; bàn giao đến địa điểm cơ quan, đơn vị sử dụng;. Toàn bộ chi phí liên quan do nhà thầu chi trả.

- Nghiệm thu bàn giao:

+ Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa.

- Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo mẫu sau:

TT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu/ Nhãn mác sản phẩm, Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật chào thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6
1					<i>Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT</i>
...					<i>Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT</i>
n					<i>Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT</i>

Ghi chú:

- Cột 1, 2, 4: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;
- Cột 3, 5: Nhà thầu ghi các thông tin của hàng hóa dự thầu;
- Cột 6: Nhà thầu tham chiếu tài liệu cung cấp chứng minh cho các thông tin kê khai đính kèm khi nộp E-HSDT.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Danh mục hàng hoá	Yêu cầu về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Thời gian giao hàng dự kiến
I	Hoá chất				
1	1,10-Phenanthroline monohydrate	- Dạng bột hoặc tinh thể, màu trắng - Công thức phân tử $C_{12}H_8N_2 \cdot H_2O$ - Độ tinh khiết: Carbon content 71.6 - 73.8 %	chai	25	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
2	4,4-methylene diphenyl diisocyanate (MDI)	- Dạng rắn hoặc tinh thể màu vàng nhạt/ Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Công thức hoá học $C_{15}H_{10}N_2O_2$ - Độ tinh khiết $\geq 90\%$	kg	20	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
3	Aceton	- Dạng lỏng, không màu - Công thức phân tử CH_3COCH_3 - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$	Lít	2900	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
4	Aluminum Trihydroxide (ATH)	- Dạng bột, màu trắng - Công thức hoá học $Al(OH)_3$ - Độ tinh khiết $\geq 90\%$	kg	10	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
5	Ammonium iron(II) sulfate hexahydrate	- Dạng bột hoặc tinh thể, màu xanh nhạt, xanh lam đến xanh lục - Công thức phân tử $H_8FeN_2O_8S_2 \cdot 6H_2O$ - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$	chai	25	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
6	Bã bột cà phê	- Dạng rắn, hạt rời, màu nâu đậm - Độ ẩm $\leq 70\%$	kg	5800	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
7	Barium chloride	- Dạng tinh thể, bột hoặc khối, màu trắng đến trắng ngà - Công thức phân tử $BaCl_2 \cdot 2H_2O$ - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$	chai	25	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
8	Bột đá ($CaCO_3$)	- Dạng bột, màu trắng đục đến màu tro - Hàm lượng $CaCO_3$: $\geq 90\%$ - Kích thước: $\geq 40 \mu m$	kg	50	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
9	Dung dịch Cadmi chuẩn	- Certified reference material: TraceCERT® - Single component solution - Nominal concentration: 1 g/L Cd in nitric acid	chai	14	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
10	Dung dịch Chì chuẩn	- Certified reference material: TraceCERT®	chai	14	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026

		- Single component solution - Nominal concentration: 1 g/L Pb in nitric acid			Đợt 3: Quý 2/2027
11	Enzyme lipase	- Bột màu trắng hoặc vàng nhạt - Hoạt độ 100000 U/g - Độ ẩm $\leq 8\%$ / Theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất	kg	150	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
12	Enzyme protease	- Bột màu vàng nâu - Hoạt độ 100000 U/g - Độ ẩm $\leq 8\%$ / Theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất	kg	150	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
13	Ethanol absolute	- Dạng lỏng, không màu - Công thức phân tử C ₂ H ₅ OH - CAS 64-17-5 - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$	chai	310	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
14	Hydrochloric acid	- Dạng lỏng, không màu - Công thức phân tử HCl - Độ tinh khiết: $\geq 36,5\%$	chai	14	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
15	Iron(II) sulfate heptahydrate	- Dạng bột, màu xanh nhạt, xanh lam đến xanh lục - Công thức phân tử FeO ₄ S · 7H ₂ O - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$	chai	25	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
16	Nitric acid	- Dạng lỏng, không màu - Công thức phân tử HNO ₃ - Độ tinh khiết: $\geq 68\%$	chai	14	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
17	Polylactic acid (PLA)	- Điểm nóng chảy: ≥ 115 °C - Khối lượng riêng: $\geq 0,9$ g/cm ³	kg	1000	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
18	Polyvinyl chloride (PVC)	- Giá trị K ≥ 65 - Điểm nóng chảy: ≥ 70 °C - Khối lượng riêng: $\geq 1,2$ g/cm ³	kg	1150	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
19	Potassium dichromate	- Dạng tinh thể, màu cam - Công thức phân tử K ₂ Cr ₂ O ₇ - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$	chai	25	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
20	Sodium hydroxide	- Dạng vảy, màu trắng - Công thức phân tử NaOH - Độ tinh khiết: $\geq 97\%$	chai	25	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
21	Songlight 7700 hoặc tương đương	- Dạng bột, màu trắng đến trắng ngà - Công thức hoá học C ₂₈ H ₅₂ N ₂ O ₄ - Độ tinh khiết: $\geq 90\%$	kg	10	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
22	Songnox 1010 hoặc tương đương	- Dạng bột hoặc tinh thể, màu trắng đến trắng ngà - Công thức hoá học C ₇₃ H ₁₀₈ O ₁₂ - Độ tinh khiết: $\geq 90\%$	kg	20	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
23	Songsorb 3260 hoặc tương đương	- Dạng bột hoặc tinh thể, màu vàng nhạt đến vàng - Công thức hoá học	kg	10	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026

		C17H18ClN3O - Độ tinh khiết: $\geq 90\%$			
24	Sulfuric acid	- Dạng lỏng, không màu - Công thức phân tử H ₂ SO ₄ - Độ tinh khiết: $\geq 95\%$	chai	14	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
25	Talcum	- Dạng bột, màu trắng, xám đến xanh - Hàm lượng SiO ₂ $\geq 40\%$ - Hàm lượng MgO $\geq 30\%$ - Kích thước: $\geq 10 \mu\text{m}$	kg	50	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026
26	Toluene	- Dạng lỏng, không màu - Công thức phân tử C ₆ H ₅ CH ₃ - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$	chai	310	Đợt 1: Quý 4/2025 Đợt 2: Quý 2/2026 Đợt 3: Quý 2/2027
II	Vật tư				
1	Bộ điều khiển nhiệt độ	- Phạm vi đo nhiệt độ: RT-150 °C	bộ	1	Quý 4/2025
2	Cánh khuấy 3 tầng	- Vật liệu chế tạo: thép không gỉ	cái	1	Quý 4/2025
3	Bộ motor khuấy	- Tốc độ: 30 - 100 vòng/phút	bộ	1	Quý 4/2025
4	Cảm biến đo nhiệt độ dầu gia nhiệt	- Phạm vi nhiệt độ: RT -150 °C - Độ chính xác: $\leq 2 \text{ }^\circ\text{C}$	cái	1	Quý 4/2025
5	Cảm biến đo nhiệt độ bên trong bồn khuấy	- Phạm vi nhiệt độ: RT -150 °C - Độ chính xác: $\leq 2 \text{ }^\circ\text{C}$	cái	3	Quý 4/2025
6	Phễu nhập liệu và van xả đáy	- Chất liệu: thép/thép không gỉ	cái	1	Quý 4/2025
7	Tấm inox 316	- Độ dày $\geq 1 \text{ mm}$ - Kích thước: $\geq 1200 \times 3000 \text{ mm}$	tấm	3	Quý 4/2025
8	Bộ linh kiện, vật tư lắp ráp bồn khuấy inox gia nhiệt 150 lít	- Ốc, vít, bánh xe, dây điện, tủ điện, CB,... + Ốc: M5x30; M6x10; M6x20; M6x30; M6x40; M6x50,... + Vít: M3.5x15; M3.5x20mm; M3.5x25mm; M3.5x30mm; M3.5x40mm; M3.5x50mm + Bánh xe: chất liệu polyme, tải trọng $\geq 300 \text{ kg}$ + Dây điện: có đặc tính chậm cháy, ít khói, không halogen. 2 hoặc 3 lõi. Tiết diện danh nghĩa 1-6 mm ² + Tủ điện: tương thích với hệ thống kích thước $\geq 200 \times 100 \text{ mm}$ + CB: bảo vệ quá tải ngắn mạch và chống rò 6A- 63A	bộ	1	Quý 4/2025
9	Rỗ lọc	- Chất liệu chế tạo: thép không gỉ - Tải trọng: 10 kg/rỗ	cái	10	Quý 4/2025

10	Thùng hứng dịch lọc ra bên dưới và van xả đáy	- Chất liệu chế tạo: thép không gỉ	cái	1	Quý 4/2025
11	Bánh xe đẩy (trong đó có 2 bánh có khóa)	- Vật liệu bánh xe: cao su hoặc polymer chịu lực - Tải trọng: ≥ 10 kg	cái	4	Quý 4/2025
12	Tấm inox 304	- Độ dày ≥ 1 mm - Kích thước: $\geq 1200 \times 3000$ mm	tấm	5	Quý 4/2025
13	Bộ linh kiện, vật tư lắp ráp bàn inox để ráo	- Ốc, vít, đường ống dẫn, co nối, băng quấn, dầu chịu nhiệt, motor hỗ trợ nghiêng,.... + Ốc: M5x30; M6x10; M6x20; M6x30; M6x40; M6x50,.... + Vít: M3.5x15; M3.5x20mm; M3.5x25mm; M3.5x30mm; M3.5x40mm; M3.5x50mm + Đường ống dẫn: ống dẫn chịu dầu: $\phi 2 - 20$ mm + Co nối: PVC + Băng quấn: PTFE + Dầu chịu nhiệt: $\geq 200^\circ\text{C}$ + Motor: Công suất: 0.2kw - 2.2kw. Tốc độ trục ra: từ 14 vòng - 360 vòng	bộ	1	Quý 4/2025
14	Bộ đầu khuôn gia nhiệt	- Vật liệu chế tạo: thép hoặc tương đương với bộ gia nhiệt - Kích thước/Đường kính lỗ: ≥ 1 mm	bộ	1	Quý 4/2025
15	Thanh cắt	- Dùng cho cắt nóng - Chiều dài ≥ 3 mm	cái	1	Quý 4/2025
16	Bộ nắp đậy	- Bằng thép không gỉ dùng để đậy đầu khuôn gia nhiệt - Đường kính kích thước ≥ 30 mm	bộ	1	Quý 4/2025
17	Cyclone phân tách	- Bằng thép không gỉ - Công suất motor $\geq 0,75$ kW	cái	1	Quý 4/2025
18	Bộ vận chuyển khí	- Vật liệu thép không gỉ - Chiều dài $\geq 0,2$ m - Đường kính ≥ 30 mm	bộ	1	Quý 4/2025
19	Khung giá đỡ	- Vật liệu thép - Kích thước: $\geq 1000 \times 300 \times 300$ mm	cái	1	Quý 4/2025
20	Bộ linh kiện, vật tư lắp ráp hệ thống tạo hạt bằng dầu cắt nóng	- Ốc, vít, đường ống dẫn, co nối, dây điện,.... + Ốc: M5x30; M6x10; M6x20; M6x30; M6x40; M6x50,.... + Vít: M3.5x15; M3.5x20mm; M3.5x25mm; M3.5x30mm; M3.5x40mm; M3.5x50mm	bộ	1	Quý 4/2025

		+ Đường ống dẫn: ống dẫn: ϕ 2 -20 mm + Co nối: PVC + Dây điện: có đặc tính chậm cháy, ít khói, không halogen. + Dây cáp điện ruột đồng bọc nhựa PVC hoặc tương đương.			
21	Phễu	- Vật liệu chế tạo: thép - Dung tích/Đường kính: 10 - 50 kg	cái	2	Quý 4/2025
22	Điện trở gia nhiệt	- Công suất: ≥ 3 kW	cái	2	Quý 4/2025
23	Thùng vỏ 2 lớp	- Vật liệu chế tạo mặt ngoài thép CT3 hoặc tương đương - Mặt trong inox 304	cái	2	Quý 4/2025
24	Bộ điều khiển nhiệt độ	- Phạm vi đo nhiệt độ: RT-180 °C	bộ	2	Quý 4/2025
25	Cửa sổ quan sát lưu lượng hạt	- Chất liệu chế tạo: nhựa chịu nhiệt trong suốt - Kích thước: $\geq 2 \times 5$ cm	cái	2	Quý 4/2025
26	Bộ linh kiện, vật tư lắp ráp thiết bị sấy dạng phễu	- Ốc, vít, đường ống dẫn, co nối, dây điện,.... + Ốc: M5x30; M6x10; M6x20; M6x30; M6x40; M6x50,.... + Vít: M3.5x15; M3.5x20mm; M3.5x25mm; M3.5x30mm; M3.5x40mm; M3.5x50mm + Đường ống dẫn: ống dẫn: ϕ 2 -20 mm + Co nối: PVC + Dây điện: có đặc tính chậm cháy, ít khói, không halogen. + Dây cáp điện ruột đồng bọc nhựa LSHF hoặc tương đương.	bộ	2	Quý 4/2025
27	Bộ đầu khuôn	- Vật liệu chế tạo: thép hoặc tương đương - Kích thước/Đường kính lỗ: ≥ 1 mm	bộ	1	Quý 4/2025
28	Bể làm mát	- Vật liệu chế tạo: thép không gỉ - Kích thước: dài ≥ 1200 mm x 100 mm x 200 mm	cái	1	Quý 4/2025
29	Quạt gió	- Công suất: ≥ 30 W	cái	1	Quý 4/2025
30	Động cơ	- Công suất: ≥ 30 kW - Động cơ điện	cái	1	Quý 4/2025
31	Bộ phận tạo hạt	- Công suất: $\geq 0,75$ kW	bộ	1	Quý 4/2025
32	Bộ linh kiện, vật tư lắp ráp thiết bị tạo hạt	- Ốc, vít, đường ống dẫn, co nối, dây điện,.... + Ốc: M5x30; M6x10; M6x20; M6x30	bộ	1	Quý 4/2025

		<ul style="list-style-type: none"> + Vít: M3.5x15; M3.5x20mm; M3.5x25mm + Đường ống dẫn: ống dẫn: ϕ 2 -20 mm + Co nối: PVC + Dây điện: có đặc tính chậm cháy, ít khói, không halogen. + Dây cáp điện ruột đồng bọc nhựa PVC hoặc tương đương. 			
--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- *Nhãn hiệu, mã hiệu hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa của hãng khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu có nhãn hiệu khác so với E-HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật có tính năng sử dụng **tương đương hoặc tốt hơn** với các hàng hóa yêu cầu.*

- ***Kích thước và cân nặng** chỉ để tham khảo không phải là tiêu chí trượt kỹ thuật;*

- *“Tương đương” có nghĩa là đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trên.*

1.3. Các yêu cầu khác

- Yêu cầu về cung cấp hàng hoá:

+ Nhà thầu có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp với tiến độ chung;

+ Phương án cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi;

+ Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình cung cấp hàng hoá;

+ Công tác quản lý cung cấp hàng hoá có hệ thống, chặt chẽ, thống nhất phù hợp với tiến độ nghiệm thu hiện hành;

+ Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói: phải theo đúng quy định của nhà sản xuất;

+ Yêu cầu về vận chuyển: hàng hóa phải được vận chuyển đến kho vật tư của Chủ đầu tư;

+ Nhà thầu có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp với tiến độ chung;

+ Nhà thầu cần nêu đầy đủ chi tiết các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa đáp ứng yêu cầu và có gửi kèm theo Catalogue hoặc tài liệu mô tả, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;

+ Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình cung cấp hàng hoá;

+ Công tác quản lý cung cấp hàng hoá có hệ thống, chặt chẽ, thống nhất phù hợp với tiến độ thi công nghiệm thu bàn giao.

- Nhà thầu phải có các cam kết sau:

+ Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp;

+ Thời gian giao hàng: Hàng hóa giao theo từng đợt tùy thuộc vào nhu cầu của Bên mời thầu, Chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua (bằng Email hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp); Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đột xuất, khẩn cấp... bắt buộc giao hàng tại kho bên mua không quá 24 giờ;

+ Thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được với trang thiết bị hiện có của đơn vị thụ hưởng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu; thời gian thực hiện không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên mời thầu;

+ Thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư trong trường hợp hàng hóa có bất kỳ thay đổi từ nhà sản xuất

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra ngoại hình.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.